

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2360** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **03** tháng 8 năm 2012

**TỜ TRÌNH**

**V/v Đề nghị thông qua Đề án Phổ cập bậc trung học  
tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2012 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị  
Kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa VI

Để góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác phổ cập giáo dục, UBND tỉnh đã xây dựng Đề án: Phổ cập bậc trung học, giai đoạn 2012 - 2015 (Kèm theo)

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết và Đề án "**Phổ cập bậc trung học tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2012 - 2015**"./. *v*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH - HĐND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, KHĐT, TC;
- Chánh, Phó VP, CV;
- Lưu VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đức Cường*  
**Nguyễn Đức Cường**

Số: **2360/ĐA-UBND**

Quảng Trị, ngày **03** tháng **8** năm **2012**

**ĐỀ ÁN  
PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC TỈNH QUẢNG TRỊ  
Giai đoạn 2012 - 2020**

Thực hiện Luật Giáo dục và các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc về Giáo dục và Đào tạo, trong những năm qua, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị phát triển và đạt được nhiều thành quả quan trọng: Hoàn thành công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục Tiểu học năm 1996 (CMC-PCGDTH); Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2005 (PCGDTHCS) và đạt chuẩn quốc gia Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi năm 2006 (PCGDTHĐĐT). Từ đó đến nay, 100% huyện, thị xã, thành phố duy trì vững chắc kết quả phổ cập và từng bước nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi phải có những con người có kiến thức văn hoá, có kỹ năng lao động với tay nghề bậc cao là một yêu cầu bức bách đặt ra cho ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Vì vậy, phổ cập bậc trung học là điều kiện cần thiết để phát triển nguồn nhân lực cho đất nước và mục tiêu không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2011- 2020.

**A - THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC:**

**I - HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP HỌC:**

**1. Phổ thông:**

- Hệ thống mạng lưới trường, lớp học được bố trí xây dựng rộng khắp, hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Tính đến cuối năm học 2011 - 2012, toàn tỉnh có 158 trường mầm non; 167 trường tiểu học; 121 trường trung học cơ sở (THCS); 8 trường phổ thông cơ sở (PTCS); 31 trường trung học phổ thông (THPT); 02 trường cấp 2 - 3; 10 trung tâm giáo dục thường xuyên (TTGDTX) và 10 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (TTKTTH-HN).

- Toàn tỉnh hiện có 6.383 phòng học, trong đó số phòng học kiên cố, cao tầng chiếm 68,42%.

- Trường đạt chuẩn quốc gia, tính đến cuối năm học 2011 – 2012:

+ Tiểu học: 137/167 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 82% so với tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học quy định tại Công văn số 10819/GDTrH ngày 07/12/2004 của Bộ GDĐT (có ít nhất 50% trở lên số trường đạt chuẩn quốc gia), vượt 32%.

+ Trung học cơ sở, phổ thông cơ sở: 45/129 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 34,9%. So với chuẩn phổ cập bậc trung học quy định tại công văn 10819/GDTrH ngày 07/12/2004 của Bộ GDĐT (có ít nhất 40% trở lên số trường đạt chuẩn quốc gia), hiện tại còn thiếu khoảng 07 trường.

+ Trung học phổ thông: 03/33 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 9,1%. So với chuẩn phổ cập bậc trung học quy định tại công văn 10819/GDTrH ngày 07/12/2004 của Bộ GDĐT (*mỗi huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất 2 trường THPT đạt chuẩn quốc gia*), còn thiếu 15 trường.

## **2. Các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề:**

Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 trường cao đẳng sư phạm; 01 trường trung cấp dạy nghề; 01 trường trung học Nông nghiệp và phát triển nông thôn; 01 trường trung học Y tế; 02 trường trung học tư thục là Mai Lĩnh và Bùi Dục Tài và 9 trung tâm dạy nghề xã hội.

## **3. Các Trung tâm Học tập cộng đồng:**

Đến nay toàn tỉnh có 130 trung tâm cấp xã, phường, thị trấn (Sau đây gọi chung là cấp xã) và 465 trung tâm thôn, bản.

## **II - QUY MÔ, SỐ LƯỢNG.**

**1. Cấp trung học cơ sở:** Tính đến cuối năm học 2011 – 2012, tổng số học sinh THCS là: 44.764 học sinh (trong đó: 44.262 học sinh THCS và 502 học sinh Bổ túc THCS);

**2. Cấp trung học phổ thông:** Tính đến cuối năm học 2010 – 2011, tổng số học sinh là: 32.446 học sinh (*trong đó: 29.892 học sinh THPT và 2.554 học sinh Bổ túc THPT*);

## **3. Cấp Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và dạy nghề:**

- Số học sinh trúng tuyển vào các trường TCCN trong 5 năm gần đây (từ năm 2007 đến 2011) là 12.991. Số học sinh này hầu hết đã tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT.

- Số học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, Bổ túc THCS đi học ở các trường dạy nghề (tính đến tháng 12/2011) là 156/11.685 học sinh, đạt tỷ lệ 1,33%.

Từ thực trạng nêu trên, chúng ta thấy rõ chủ trương phân luồng học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS đã được đặt ra từ lâu, nhưng trên thực tế hầu như chưa thực hiện được (*theo tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học quy định tại công văn 3420/THPT ngày 23/4/2003 của Bộ GDĐT thì có ít nhất 15% học sinh đã tốt nghiệp THCS vào học các trường dạy nghề và 15% trở lên vào học các trường THCN. Đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn là 10% vào học các trường dạy nghề và 10% vào học các trường THCN*). Thực tế ở Quảng Trị, học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS chủ yếu là vào học THPT, Bổ túc THPT hoặc đi làm việc ở các địa phương khác hoặc ở nhà lao động sản xuất. Trên địa bàn tỉnh mới có một trường dạy nghề, các ngành nghề đào tạo chưa thật sự hấp dẫn người học. Tâm lý của các bậc phụ huynh không muốn cho con đi học nghề sớm mà muốn con được học tiếp cấp trung học phổ thông... Vì vậy, số học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS đi học ở các trường dạy nghề rất ít...

Mặt khác, để đạt chuẩn phổ cập bậc trung học thì cơ sở vật chất trường, lớp học là một điều kiện quan trọng. Tuy nhiên, đến tháng 5/2012, trường lớp học đạt chuẩn quốc gia ở cấp THCS của tỉnh Quảng Trị mới đạt 34,9%, theo quy định thì

còn thiếu khoảng 7 trường. Ở cấp THPT mới đạt 9,1%, theo quy định thì còn thiếu ít nhất 15 trường. Trong khi đó, ngân sách hàng năm của tỉnh quá eo hẹp, kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia ngày một ít đi. Đời sống của người dân còn nhiều khó khăn nên việc xã hội hoá giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế; huy động các nguồn lực khác hỗ trợ cho giáo dục cũng không mấy thuận lợi.

### III - VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ GIÁO VIÊN:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ở các trường THPT các Trung tâm Giáo dục thường xuyên (TTGDTX) và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp (TTKTTT-HN) được bố trí cơ bản đầy đủ. Đội ngũ được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá tốt, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy; có ý thức vươn lên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên trong các trường THPT, TTGDTX: 1.754 người, Trong đó:

- Trung học phổ thông: 1.655 người (cán bộ quản lý: 77 người, giáo viên đứng lớp: 1.578 người); Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%, trên chuẩn 19,4%; Tỷ lệ giáo viên/lớp: 2,1

- Giáo dục thường xuyên: 99 người (cán bộ quản lý: 15 người, giáo viên đứng lớp: 84 người); Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%, trên chuẩn 13,3%; Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,5

### IV - THỰC TRẠNG PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC:

Theo chuẩn quy định về phổ cập bậc trung học tại Công văn số 3420/THPT ngày 23/4/2003 của Bộ GDĐT và công văn điều chỉnh tiêu chuẩn số 10819/GDTrH ngày 07/12/2004 của Bộ GDĐT, đến thời điểm 31/12/2011, thực trạng phổ cập bậc trung học toàn tỉnh cụ thể như sau:

**Chuẩn 1:** Quy định số xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) đạt và duy trì được chuẩn phổ cập GDTHCS. Toàn tỉnh có 140/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 99,3%.

**Chuẩn 2:** Quy định huy động được 95% trở lên (vùng khó khăn 85%) số đối tượng phổ cập đã tốt nghiệp THCS vào học THPT, bổ túc THPT, THCN và dạy nghề. Toàn tỉnh có 62/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 44,0%

**Chuẩn 3:** Quy định tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm từ 85% trở lên (vùng khó khăn 70%). Toàn tỉnh có 89/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 63,1%.

**Chuẩn 4:** Quy định tỷ lệ thanh thiếu niên độ tuổi từ 18 - 21 tuổi có bằng tốt nghiệp THPT, BTTHPT hoặc bằng tốt nghiệp THCN từ 75% trở lên (vùng khó khăn 65%) và ít nhất 10% trở lên có bằng tốt nghiệp đào tạo nghề). Toàn tỉnh có 43/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 30,5%

Tính theo huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là huyện), đối chiếu với 4 tiêu chuẩn nêu trên thì các huyện đạt được cụ thể như sau:

- Huyện Vĩnh Linh: Có 2/22 xã đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 9,1% (Hò Xá, Vĩnh Thủy)

- Huyện Gio Linh: Có 2/21 xã đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 9,5% (*Gio Hải, Gio Sơn*)
  - Thành phố Đông Hà: Có 4/9 phường đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 44,4% (*Phường 3, Đông Lễ, Đông Giang, Đông Thanh*)
  - Thị xã Quảng Trị: Có 3/5 phường đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 60,0% (*Phường 1, phường 2 và phường 3*)
  - Huyện Triệu Phong: Có 5/19 xã đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 26,3% (*thị trấn Ái Tử, Triệu Đông, Triệu Hoà, Triệu Sơn, Triệu Trung*)
  - Huyện Hải Lăng: Có 3/20 xã đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 15,0% (*Hải Thượng, Hải Quy, Hải Vĩnh*)
  - Huyện Cam Lộ: chưa có xã nào.
  - Huyện Đakrông: có 1/14 xã đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 7,1% (*Triệu Nguyên*);
  - Huyện Hướng Hoá: Có 2/22 đạt 4 chuẩn, tỷ lệ 9,1% (*Tân Liên, Tân Lập*)
- Tổng cộng, toàn tỉnh mới có 22/141 xã đạt được 4 chuẩn, tỷ lệ 15,6%.

## **B - MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:**

### **I - NHỮNG CĂN CỨ THỰC HIỆN PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC.**

1. Các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII và IX; Nghị quyết TW IV (khoá VII), TW II (khoá VIII) và kết luận của Hội nghị TW lần thứ VI (khoá IX) về Giáo dục và Đào tạo.
2. Công văn số 3420/THPT ngày 23 tháng 4 năm 2003 của Bộ giáo dục và đào tạo về Hướng dẫn thực hiện phổ cập bậc trung học.
3. Công văn số 10819/GDTrH ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học.
4. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Quảng Trị lần thứ XV
5. Yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như của tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2011 - 2020.

### **II - MỤC TIÊU:**

#### **1. Mục tiêu chung:**

Công tác phổ cập bậc trung học giai đoạn 2012 - 2020 nhằm nâng cao dân trí một cách toàn diện, làm cho hầu hết công dân của tỉnh Quảng Trị đến hết tuổi 21 đều đạt được trình độ học vấn trung học (bao gồm trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và trung học nghề 3 năm trở lên), góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; thực hiện hội nhập với giáo dục khu vực và thế giới.

#### **2. Mục tiêu cụ thể:**

2.1. Duy trì, củng cố vững chắc kết quả phổ cập Giáo dục tiểu học đúng độ tuổi (GDTHĐĐT) và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện và nền tảng vững chắc cho việc triển khai phổ cập bậc trung học.

2.2. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục THPT, bổ túc THPT; bảo đảm để mọi học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản về hướng nghiệp.

2.3. Xây dựng hệ thống trường trung học (THCS, THPT); trường trung học chuyên nghiệp; trung tâm dạy nghề; trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX); trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (KTTH-HN); trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ).

- Phần đầu đến năm 2015 có 100% trường Tiểu học; 70% số trường THCS; 40% số trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020 có 100% trường Tiểu học đạt chuẩn mức độ II; 100% trường THCS và 80% trường THPT đạt chuẩn Quốc gia. Bảo đảm 100% yêu cầu chuẩn về thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thư viện trường học ở bậc trung học.

- Phần đầu đến năm 2015 có ít nhất 83/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 58,86% trong đó có 3 đơn vị huyện đạt chuẩn phổ cập bậc trung học (TP Đông Hà; Thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ);

- Đến năm 2018 tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia phổ cập bậc trung học, với 10/10 huyện và 132/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 93,6%.

- Đến năm 2020 tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện và 141/141 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 100%.

### **III - KẾ HOẠCH VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN:**

Căn cứ vào thực trạng phổ cập bậc trung học và Mục tiêu nêu trên, chúng ta xác định kế hoạch và lộ trình thực hiện phổ cập bậc trung học của từng đơn vị huyện, thị xã, thành phố như sau:

#### **1. Giai đoạn 1 (Từ 2012 – 2015):**

Hiện nay huyện Đào Cồn Cỏ đã đạt chuẩn. Thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà phần đầu đạt chuẩn vào cuối năm 2015.

Các huyện còn lại phần đầu đến cuối năm 2015 có số xã đạt chuẩn và tỷ lệ cụ thể như sau:

- Huyện Vĩnh Linh : Phần đầu có 12/22 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 54,5%
- Huyện Gio linh : Phần đầu có 14/21 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 66,7%
- Huyện Triệu Phong : Phần đầu có 14/19 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 73,7%
- Huyện Hải Lăng : Phần đầu có 10/20 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 50,0%
- Huyện Cam Lộ : Phần đầu có 3/9 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 33,33%
- Huyện Đakrông : Phần đầu có 5/14 xã đạt chuẩn, tỷ lệ 35,7%
- Huyện Hướng Hoá : Có 8/22 xã, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 35,0%

#### **2. Giai đoạn 2 (Từ 2016 – 2018):**

- Huyện Vĩnh Linh: Có thêm 8 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 20/22 xã, tỷ lệ 90,9%. Huyện Vĩnh Linh đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Huyện Gio Linh: Có thêm 6 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 20/21 xã, tỷ lệ 95,2%. Huyện Gio Linh đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Huyện Triệu Phong: Có thêm 4 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 19/19 xã, tỷ lệ 100%. Huyện Triệu Phong đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Huyện Hải Lăng: Có thêm 9 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 19/20 xã, tỷ lệ 95,0%. Huyện Hải Lăng đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Huyện Cam Lộ: Có thêm 6 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 9/9 xã, tỷ lệ 100%; Huyện Cam Lộ đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Huyện Đakrông: Có thêm 6 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 11/14 xã, tỷ lệ 78,6%. Huyện Đakrông đạt chuẩn phổ cập bậc trung học (*Huyện khó khăn và đặc biệt khó khăn có 75% trở lên số đơn vị cơ sở đạt chuẩn*)

- Huyện Hướng Hoá: Có thêm 9 xã đạt chuẩn, nâng số xã đạt chuẩn lên 17/22 xã, tỷ lệ 77,2%. Huyện Hướng Hoá đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

**\* Đến 31/12/2018: Tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn Quốc gia phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện, thị xã, thành phố và 132/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn.**

### **3. Giai đoạn 3 (Từ 2019 – 2020):**

3.1. Huyện Vĩnh Linh: Có thêm 2 xã đạt chuẩn (năm 2019), nâng số xã đạt chuẩn lên 22/22 xã, tỷ lệ 100%

3.2. Huyện Gio Linh: Có thêm 1 xã đạt chuẩn (năm 2019), nâng số xã đạt chuẩn lên 21/21 xã, tỷ lệ 100%

3.3. Huyện Hải Lăng: Có thêm 1 xã đạt chuẩn (năm 2019), nâng số xã đạt chuẩn lên 20/20 xã, tỷ lệ 100%

3.4. Huyện Đakrông: Có thêm 2 xã đạt chuẩn (năm 2020), nâng số xã đạt chuẩn lên 13/14 xã, tỷ lệ 92,9%

3.5. Huyện Hướng Hoá: Có thêm 3 xã đạt chuẩn (năm 2020), nâng số xã đạt chuẩn lên 20/22 xã, tỷ lệ 90,9%

**\* Đến 31/12/2020: Tỉnh Quảng Trị hoàn thành công tác phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện, thị xã, thành phố và 138/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn (97,9%).**

## **IV - CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.**

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, thị trấn thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác phổ cập bậc trung học; xác định rõ trách nhiệm và phát huy mạnh mẽ vai trò của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức đối với sự nghiệp giáo dục, xây dựng xã hội học tập nói chung và công tác phổ cập bậc trung học nói riêng.

2. Bằng nhiều hình thức linh hoạt tổ chức tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc “Phổ cập giáo dục là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020”



(Chi thị số 10-CT/TW ngày 5 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính Trị); hiểu rõ các tiêu chuẩn, hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa của công tác phổ cập bậc trung học, đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

3. Hàng năm tiếp tục chỉ đạo sâu sát, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập Mầm non trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập GDTHCS làm nền tảng vững chắc cho phổ cập bậc trung học.

4. Tập trung đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, bằng cách tư vấn, hướng nghiệp để các em lựa chọn được sức mình lựa chọn việc học tiếp theo, có thể tiếp tục học văn hoá, có thể thi vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp; các trường dạy nghề và cũng có thể vừa học văn hoá vừa học nghề tại trường trung cấp nghề của tỉnh. Kết thúc khoá học học sinh vừa được cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông vừa được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề; các em có thể đi làm cũng có thể tiếp tục học lên bậc cao hơn...

5. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh; áp dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào dạy học, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ở bậc trung học

6. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ làm công tác phổ cập bậc trung học cho cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp làm công tác phổ cập giúp họ nắm vững nghiệp vụ lập hồ sơ phổ cập bậc trung học theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Các đơn vị cần cử những cán bộ có năng lực có trách nhiệm, nhiệt tình làm công tác phổ cập mang tính ổn định lâu dài.

7. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất ở các cấp học, bậc học nhất là các trung tâm GDTX, trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp, các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề; bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng chuẩn hoá, xã hội hoá và hiện đại hoá. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học phục vụ thiết thực công tác phổ cập, đáp ứng tiêu chuẩn phổ cập đồng thời tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

8. Từ những bài học kinh nghiệm trong công tác phổ cập GDTHCS cần có những chế độ, chính sách phù hợp áp dụng cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn; chế độ, chính sách thu hút giáo viên công tác tại các vùng này, giáo viên các trung tâm GDTX và chế độ hỗ trợ đối với người học trong độ tuổi tham gia học phổ cập cấp trung học phổ thông như đã áp dụng đối với phổ cập GDTHCS. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện để đào tạo học sinh người dân tộc nhằm phát triển nguồn lực cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ. Huy động các lực lượng xã hội phối hợp tham gia tuyên truyền, vận động, hỗ trợ con em trong độ tuổi ra trường, ra lớp với tỷ lệ cao nhất; Khuyến khích các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư đóng góp, hỗ trợ vật lực, tài lực cho phổ cập bậc trung học.



10. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát từ các Ban chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn để đảm bảo nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất để rút kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo. Đồng thời biểu dương kịp thời người tốt việc tốt và những địa phương, đơn vị làm tốt công tác phổ cập bậc trung học.

#### **V - KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

**1. Nhu cầu kinh phí (làm tròn): 121.000.000.000đ**

*Trong đó:*

- Chương trình mục tiêu (Chi XD CB): 12.000.000.000đ
- Ngân sách tỉnh (Chi thường xuyên + chi XD CB): 57.000.000.000đ
- Ngân sách cấp huyện và xã hội hóa (Chi XD CB): 52.000.000.000đ

#### **• Chi cho các hoạt động sau:**

<u>a. Chi điều tra, in phiếu điều tra:</u>	<u>2.235.336.000đ</u>
* Chi điều tra tận hộ (2013-2020):	1.851.336.000 đ
<i>(Điều tra lần đầu năm 2013: 5.000đ/hộ x 154278 hộ = 771.390.000đ; Điều tra bổ sung hàng năm: 771.390.000 x 20% = 154.278.000đ)</i>	
+ Chi cho điều tra (năm 2013 – 2015):	1.079.946.000đ
+ Chi cho điều tra (năm 2016 – 2020):	771.390.000đ
* Chi cho việc in mẫu phiếu điều tra (2013-2020):	384.000.000 đ
<i>(In lần đầu năm 2013: 160.000 hộ x 1000đ/tờ/hộ = 160.000.000; In bổ sung hàng năm: 160000000 x 20% = 32.000.000)</i>	
- In phiếu điều tra từ (2013-2015):	224.000.000đ
- In phiếu điều tra từ (2016-2020):	160.000.000đ
<u>b. Chi xây dựng đề án, báo cáo hàng năm, lưu trữ:</u>	<u>180.000.000đ</u>
- Tổng hợp, phân tích, thống kê số liệu:	50.000.000đ
- Xây dựng đề án:	50.000.000đ
- Tổng hợp số liệu, báo cáo hàng năm, lưu trữ:	80.000.000đ
<u>c. Kiểm tra, đánh giá kết quả và tiến độ thực hiện:</u>	<u>360.000.000đ</u>
- Từ (2012-2015):	160.000.000đ
- Từ (2016-2020):	200.000.000đ
<u>d. Tập huấn nghiệp vụ cho người làm công tác phổ cập:</u>	<u>240.000.000 đ</u>
- Từ (2012-2015):	90.000.000đ
- Từ (2016-2020):	150.000.000đ
<u>e. Đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:</u>	<u>117.600.000.000đ</u>

## **2. Phân kỳ đầu tư:**

- Giai đoạn 2012 - 2015: 56.000.000.000đ
- Giai đoạn 2016 - 2020: 65.000.000.000đ

(Có phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo)

## **V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh:**

**1.1. Sở Nội vụ:** Tham mưu UBND tỉnh về công tác nhân sự đối với ngành Giáo dục - Đào tạo; bố trí đủ chỉ tiêu biên chế giáo viên đáp ứng yêu cầu của phổ cập bậc trung học.

**2.2. Sở Kế hoạch và đầu tư:** Có kế hoạch phân bổ vốn ngân sách xây dựng tập trung của địa phương hàng năm theo lộ trình phổ cập bậc trung học nêu trên, để cùng với nguồn vốn chương trình mục tiêu xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất các trường học, trường dạy nghề đáp ứng yêu cầu theo tiến độ thực hiện của Đề án.

**2.3. Sở Tài chính:** Tham mưu UBND tỉnh quy định định mức và cấp phát kinh phí kịp thời phục vụ cho phổ cập bậc trung học.

**2.4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Xây dựng kế hoạch phát triển và nâng cấp các cơ sở dạy nghề, giới thiệu việc làm từ tỉnh đến huyện. Tham mưu UBND tỉnh thành lập các cơ sở dạy nghề mới nhằm đáp ứng công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS.

**2.5. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Hội, Đoàn thể** tham gia tuyên truyền chủ trương phân luồng học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS tùy theo năng lực, sở trường của mình có thể học tiếp cấp THPT, có thể vào học ở các trường dạy nghề, trường TCCN... Hỗ trợ, vận động mở lớp để huy động các em trong độ tuổi đến trường, các em bỏ học trở lại học tập.

### **3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Chỉ đạo các Phòng, Ban, Đoàn thể cấp huyện tích cực và chủ động phối hợp với ngành GDĐT triển khai thực hiện tốt công tác phổ cập bậc trung học.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan huy động các nguồn vốn đầu tư nâng cấp các trung tâm GDTX, các cơ sở dạy nghề; đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Chỉ đạo Ban Chỉ đạo phổ cập và UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập bậc trung học trên địa bàn.

### **4. Ngành Giáo dục và Đào tạo.**

#### **4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Tham mưu Tỉnh uỷ, UBND tỉnh ban hành các Chỉ thị, Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phổ cập cấp tỉnh; xây dựng chỉ đạo thực hiện kế hoạch về phổ cập bậc trung học. Theo định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh. Chủ động phối hợp với các Sở, Ban ngành, Đoàn thể liên quan tham mưu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ người học, người dạy, nhu cầu giáo viên ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn, trình UBND tỉnh.

- Trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước; các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phổ cập bậc trung học.

- Chỉ đạo các trường THPT, trung tâm GDTX, trung tâm KTTH - HN, các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập bậc trung học.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia để đảm bảo yêu cầu về CSVC trong phổ cập bậc trung học.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác điều tra, xử lý, tổng hợp số liệu theo các biểu mẫu quy định. Hướng dẫn các địa phương, đơn vị lập bộ Hồ sơ phổ cập bậc trung học theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

#### **4.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

- Tham mưu cho huyện, thị xã, thành phố và Ban chỉ đạo trong việc lập kế hoạch; phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể thuộc địa bàn tổ chức thực hiện công tác phổ cập bậc trung học.

- Hướng dẫn các Ban chỉ đạo xã, phường, thị trấn, các đơn vị công tác điều tra, xử lý số liệu và lập hồ sơ phổ cập bậc trung học.

- Chủ trì phối hợp với các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm KTTH-HN, các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn tổ chức thực hiện công tác phổ cập bậc trung học của địa phương mình.

- Tham mưu và tích cực chỉ đạo công tác xây dựng các trường Tiểu học, THCS đạt chuẩn Quốc gia.

- Quản lý và chỉ đạo xây dựng bộ hồ sơ phổ cập bậc trung học của xã, phường, thị trấn và của huyện, thị xã, thành phố.

- Trực tiếp tổ chức kiểm tra, phúc tra, công nhận đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn và các vấn đề khác liên quan phổ cập bậc trung học; tổng hợp số liệu, làm văn bản báo cáo về tình hình phổ cập bậc trung học của đơn vị mình cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh.

- Thực hiện thanh quyết toán kinh phí phổ cập bậc trung học kịp thời có hiệu quả.

#### **4.3. Các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm KTTH-HN:**

- Tham gia BCĐ phổ cập bậc trung học cấp huyện, chịu trách nhiệm phụ trách các địa bàn được phân công; phối hợp chặt chẽ với phòng GD&ĐT trên địa bàn tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập bậc trung học.

- Làm tốt công tác huy động số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục; đảm bảo tỷ lệ huy động và tỷ lệ tốt nghiệp cấp THPT hàng năm.

- Các trường THPT tích cực phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; phối hợp với các Trung tâm GDTX để giảng dạy các lớp Bổ túc THPT ở các Trung tâm GDTX, tại trường và ở các Trung tâm Học tập cộng đồng.

- Các Trung tâm GDTX nắm số học sinh không vào được THPT hàng năm để có kế hoạch huy động vào học các lớp Bổ túc THPT; linh hoạt trong việc mở lớp, thời gian học, giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

#### **4.4. Các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề:**

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo, mở rộng đối tượng tuyển sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS; phối hợp với các trường THPT, Trung tâm GDTX kết hợp đào tạo nghề gắn với học văn hoá THPT đảm bảo yêu cầu để khi ra trường các em vừa có bằng nghề vừa có bằng tốt nghiệp THPT giúp các em có cơ hội tiếp tục học lên hoặc lao động sản xuất, làm nghề...

#### **5. Trách nhiệm của gia đình và người học:**

- Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện để con, em mình trong độ tuổi theo học các loại hình đào tạo quy định cho phổ cập bậc trung học.

- Người học trong độ tuổi bắt buộc phải phổ cập bậc trung học phải thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi được học tập theo quy định của pháp luật.

Phổ cập giáo dục là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; yêu cầu mỗi cấp, mỗi ngành và mỗi người dân cần có trách nhiệm và nghĩa vụ chung lòng chung sức thực hiện tốt, có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục nói chung và phổ cập bậc trung học nói riêng. Phần đầu hoàn thành kế hoạch phổ cập bậc trung học theo lộ trình đề ra./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Nguyễn Đức Cường**



**Phụ lục I. TỌNG HỢP KINH PHÍ CHI THỰC HIỆN PHỔ CẤP BẬC TRUNG HỌC TỬ 2012 – 2020**

Đơn vị tính: 1.000đ



TT	Nội dung chi	Giai đoạn 2012 - 2020	Trong đó		
			GD 2012 - 2015	GD 2016 - 2020	
	<b>Tổng kinh phí</b>	<b>121.000.000</b>	<b>56.000.000</b>	<b>65.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi cho việc điều tra, in phiếu</b>	<b>2.235.000</b>	<b>1.304.000</b>	<b>931.000</b>	
1	Chi điều tra tận hộ	1.851.000	1.080.000	771.000	
2	Chi in mẫu phiếu điều tra	384.000	224.000	160.000	
<b>II</b>	<b>Xây dựng đề án, báo cáo hàng năm</b>	<b>1.800</b>	<b>130.000</b>	<b>50.000</b>	
1	Tổng hợp, phân tích số liệu	50.000	50.000	0	
2	Xây dựng đề án	50.000	50.000	0	
3	Tổng hợp số liệu, báo cáo hàng năm, lưu trữ	80.000	30.000	50.000	
<b>III</b>	<b>Cấp tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá</b>	<b>360.000</b>	<b>160.000</b>	<b>200.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Bồi dưỡng, tập huấn hàng năm</b>	<b>240.000</b>	<b>90.000</b>	<b>150.000</b>	
<b>V</b>	<b>Đầu tư xây dựng các trường đạt chuẩn Quốc gia</b>	<b>117.600.000</b>	<b>54.100.000</b>	<b>63.500.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các trường THPT</b>	<b>62.500.000</b>	<b>28.400.000</b>	<b>34.100.000</b>	
1.1	Kinh phí từ chương trình mục tiêu Quốc gia	12.000.000	6.000.000	6.000.000	
1.2	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	50.478.000	22.370.000	28.108.000	
<b>2</b>	<b>Các trường THCS</b>	<b>55.100.000</b>	<b>25.700.000</b>	<b>29.400.000</b>	
2.1	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	3.000.000	1.500.000	1.500.000	
2.2	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp huyện) và xã hội hóa	52.100.000	24.200.000	27.900.000	

**Phụ lục 2. DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠT CHUẨN**

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Tên trường	Hạng mục	Diện tích	Đơn vị	Đơn giá	Dự kiến đầu tư	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Các trường THPT</b>					<b>62.500.000</b>	
1	THPT Cam Lộ	Nhà học 2 tầng 8 phòng	680	m2	4.554	3.096.720	2013
2	THPT Vĩnh Định	Nhà đa chức năng	750	m2	4.180	3.135.000	2013
3	THPT Lê Lợi	Sân thể dục, Nhà Vệ sinh	8000	m2	440	3.520.000	2013
4	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Nhà học 10 phòng	850	m2	4.554	3.870.900	2014
5	THPT Triệu Phong	Nhà học 10 phòng	850	m2	4.554	3.870.900	2014
6	THPT Gio Linh	Nhà đa chức năng	750	m2	4.180	3.135.000	2014
7	THPT Cửa Tùng	Nhà học 10 phòng	850	m2	4.554	3.870.900	2015
8	THPT Hải Lăng	Nhà học 10 phòng	850	m2	4.554	3.870.900	2015
9	THPT Lao Bảo	Nhà học 10 phòng	850	m2	5.009	4.257.990	2016
10	THPT Hướng Hóa	Nhà học 10 phòng + Nhà chức năng	10x85 + 50	m2	4554 + 4180	7.706.490	2016
11	THPT Côn Tiên	Nhà đa chức năng	750	m2	4.598	3.448.500	2016
12	THPT Nam Hải Lăng	Nhà học 8 phòng+ Nhà đa chức năng	8x85 + 750	m2	4554 + 180	6.231.720	2017
13	THPT Trần Thị Tâm	Nhà đa chức năng	750	m2	4.180	3.135.000	2017
14	THPT Chế Lan Viên	Nhà Hiệu bộ 8 phòng	680	m2	4.554	3.096.720	2017
33	THPT Nguyễn Hữu Thân	Nhà học 8 phòng	680	m2	4.554	3.096.720	2018
15	THPT Chu Văn An	Nhà đa chức năng	750	m2	4.180	3.135.000	2018
<b>II</b>	<b>Các trường THCS</b>					<b>55.100.000</b>	
	<b>Huyện Hướng Hóa</b>						
1	THCS Tân Long	Nhà học 6 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn) Nhà đa chức năng	510 750	m2 m3	4.554 4.598	2.322.540 3.448.500	2013 2014



2	THCS Tân Liên	Nhà học 6 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m2	4.554	2.322.540	2014
		Nhà đa chức năng	750	m3	4.598	3.448.500	2015
3	THCS Tân Lập	Nhà học 6 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m2	4.554	2.322.540	2016
		Nhà đa chức năng	750	m3	4.598	3.448.500	2017
		Nhà học 6 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m2	4.554	2.322.540	2017
		Nhà đa chức năng	750	m3	4.598	3.448.500	2018
<b>Huyện Đakrông</b>							
1	THCS Thị trấn Krông Klang	Nhà hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 02 phòng: thiết bị và VP)	850	m2	4.554	3.870.900	2013
		1 nhà vệ sinh	30	m2	8.778	263.340	2014
		1 nhà đa chức năng	750	m2	4.598	3.448.500	2016
		8 phòng học	680	m2	4.554	3.096.720	2013
		4 phòng bộ môn	680	m3	4.554	3.096.720	2014
		Nhà hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 03 phòng: thiết bị, thư viện, văn phòng)	850	m2	4.554	3.870.900	2015
2	THCS A Bung	2 nhà vệ sinh	60	m2	8.778	526.680	2016
		1 nhà đa chức năng	750	m2	4.598	3.448.500	2017
		4 phòng bộ môn	680	m3	4.554	3.096.720	2016
		Nhà hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 03 phòng: thiết bị, thư viện và văn phòng)	850	m2	4.554	3.870.900	2017
	<b>TỔNG CỘNG (I + II)</b>	1 nhà đa chức năng	750	m2	4.598	3.448.500	2018
					<b>117.600.000</b>		